

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 63

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600252847 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 6 tháng 4 năm 2007 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp và nông nghiệp; dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; và bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và Văn phòng đại diện tại Tầng 18, Tòa nhà SOFIC, số 10 Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 58 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Phạm Văn Tài	Thành viên	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Stephen Patrick Gore	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Đỗ Xuân Diên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Lee Yong Bum	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Bảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Adrian Teng	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Mai Phước Nghệ	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Trọng Sánh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Ông Phạm Văn Tài	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	
	Thường trực	
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Mai Phước Nghệ	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo. Báo cáo tài chính riêng này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, đề ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61005161/21092963

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 63, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1



Nguyễn Quốc Hoàng
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2787-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		15.247.242.811	18.478.339.161
110	I. Tiền	4	92.925.161	94.833.376
111	1. Tiền		92.925.161	94.833.376
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		190.831.642	2.562.934.174
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	176.645.721
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	190.831.642	2.386.288.453
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.762.244.646	12.128.902.472
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.598.748.805	1.736.794.206
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	3.836.457.355	3.173.845.608
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	3.273.095.794	3.244.879.900
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	4.077.890.795	3.997.067.028
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(24.228.537)	(23.801.744)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		280.434	117.474
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.790.987.379	3.318.187.832
141	1. Hàng tồn kho		1.792.067.285	3.319.750.286
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.079.906)	(1.562.454)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		410.253.983	373.481.307
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	79.697.686	84.936.480
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	310.351.966	288.544.827
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	20.204.331	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		43.458.419.917	27.857.319.580
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.182.432.834	38.258.300
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	8.163.383.834	14.850.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	19.049.000	23.408.300
220	II. Tài sản cố định		5.833.792.646	5.134.856.176
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.750.131.532	1.251.589.930
222	Nguyên giá		2.737.122.996	2.007.402.639
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(986.991.464)	(755.812.709)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	4.083.661.114	3.883.266.246
228	Nguyên giá		4.296.657.878	4.040.980.722
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(212.996.764)	(157.714.476)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		2.056.562.651	1.633.671.691
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	2.056.562.651	1.633.671.691
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	15	27.026.548.166	20.920.404.417
251	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	24.573.709.196	20.975.242.790
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	2.935.046.036	7.140.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.3	62.500.369	62.500.369
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(544.707.435)	(124.478.742)
260	V. Tài sản dài hạn khác		359.083.620	130.128.996
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	267.701.402	129.450.940
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	91.382.218	678.056
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		58.705.662.728	46.335.658.741

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		26.416.374.122	19.236.456.747
310	I. Nợ ngắn hạn		22.460.036.473	19.232.308.482
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	7.008.352.747	6.159.904.855
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	93.703.309	2.558.002.625
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	53.198.127	30.115.963
314	4. Phải trả người lao động		1.577.013	2.860.419
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	117.379.136	118.921.403
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		44.695.512	1.275.009
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	2.255.708.858	212.247.655
320	8. Vay ngắn hạn	21	12.885.260.044	10.148.818.826
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		161.727	161.727
330	II. Nợ dài hạn		3.956.337.649	4.148.265
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		204.502	757.983
338	2. Vay dài hạn	21	3.952.145.713	-
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		3.987.434	3.390.282
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		32.289.288.606	27.099.201.994
410	I. Vốn chủ sở hữu		32.289.288.606	27.099.201.994
411	1. Vốn cổ phần	22.1	16.950.000.000	16.580.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		16.950.000.000	16.580.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22.1	3.620.919.783	29.878.837
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	11.718.368.823	10.489.323.157
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		8.455.323.157	4.164.009.925
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		3.263.045.666	6.325.313.232
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		58.705.662.728	46.335.658.741


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	44.538.961.834	45.637.197.478
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(420.609)	(214.362)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	44.538.541.225	45.636.983.116
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(42.503.009.962)	(43.664.618.015)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.035.531.263	1.972.365.101
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	4.475.475.376	6.312.479.727
22	7. Chi phí tài chính	25	(1.474.415.530)	(504.172.575)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	25	(666.090.632)	(147.775.398)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(1.054.046.414)	(726.549.201)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(822.276.159)	(737.027.538)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.160.268.536	6.317.095.514
31	11. Thu nhập khác	28	103.660.102	187.760.258
32	12. Chi phí khác	28	(89.720.479)	(90.252.188)
40	13. Lợi nhuận khác	28	13.939.623	97.508.070
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.174.208.159	6.414.603.584
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(1.866.655)	(89.297.609)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	90.704.162	7.257
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.263.045.666	6.325.313.232


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.174.208.159	6.414.603.584
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	12, 13	317.724.882	243.426.245
03	Trích lập các khoản dự phòng		420.172.940	46.385.769
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(49.980.993)	57.011.222
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.225.968.736)	(6.097.934.716)
06	Chi phí lãi vay	25	666.090.632	147.775.398
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		302.246.884	811.267.502
09	Tăng các khoản phải thu		(4.715.079.864)	(2.752.387.056)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		1.433.347.063	(2.135.589.835)
11	Tăng các khoản phải trả		2.416.635.613	7.056.218.405
12	Tăng chi phí trả trước		(128.380.785)	(71.067.910)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		176.645.721	123.676.637
14	Tiền lãi vay đã trả		(650.122.347)	(129.462.759)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(4.732.800)	(77.159.805)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(1.169.440.515)	2.825.495.179
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(1.802.213.151)	(1.259.284.524)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		10.223.031	6.827.471
23	Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng có kỳ hạn và cho các đơn vị khác vay		(15.286.539.476)	(6.907.811.243)
24	Tiền thu hồi khoản tiền gửi tiết kiệm ngân hàng và thu hồi khoản cho vay		7.167.018.821	2.217.929.317
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.452.362.537)	(5.178.689.766)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.687.772	25.561.703
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức nhận được		3.573.453.479	5.718.927.603
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(9.780.732.061)	(5.376.539.439)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		3.961.040.946	-
33	Tiền thu từ đi vay	21	33.480.559.978	14.420.812.108
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(24.460.404.696)	(7.858.993.882)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	22.4	(2.032.928.908)	(3.971.319.684)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		10.948.267.320	2.590.498.542
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.905.256)	39.454.282
60	Tiền đầu năm		94.833.376	55.347.383
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.959)	31.711
70	Tiền cuối năm	4	92.925.161	94.833.376


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600252847 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 6 tháng 4 năm 2007 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp và nông nghiệp; dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; và bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và Văn phòng đại diện tại Tầng 18, Tòa nhà SOFIC, số 10 Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 58 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 8.008 người (31 tháng 12 năm 2018: 6.265 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có rủi ro nhiều trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế, và công cụ, dụng cụ | - chi phí mua thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan. |
| Xe các loại | - giá mua theo phương pháp thực tế đích danh. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm tất cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính và bản quyền	3 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích hao mòn theo số năm phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi quyền sử dụng đất lâu dài sẽ không được trích hao mòn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các phòng trưng bày và trung tâm thương mại xe của Công ty mà các công trình này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.12 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.13 Chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

3.14 Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động, sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.18 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Tiền mặt	13.273.436	42.969.043
Tiền gửi ngân hàng	79.473.725	51.864.333
Tiền đang chuyển	178.000	-
TỔNG CỘNG	92.925.161	94.833.376

Thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Giao dịch không bằng tiền trọng yếu được loại ra khỏi báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:		
Lợi nhuận chuyển về từ các công ty con được cán trừ với công nợ	2.763.170.893	1.536.553.044

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Trái phiếu chuyển đổi (i) (Thuyết minh số 31)	-	2.216.880.000
Tiền gửi ngân hàng ngắn hạn (ii)	190.831.642	169.408.453
TỔNG CỘNG	190.831.642	2.386.288.453

(i) Vào ngày 30 tháng 7 năm 2019, Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“HA Agrico”) đã ban hành Nghị quyết HĐQT số 3007/19/NQHĐQT-HAGL Agrico thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi các trái phiếu chuyển đổi của HA Agrico đã phát hành năm 2018. Theo Nghị quyết này, ngày thực hiện chuyển đổi các trái phiếu là ngày 9 tháng 8 năm 2019 với giá chuyển đổi là 10.000 VND/cổ phiếu và tỷ lệ chuyển đổi là 1:1.000. Và cũng tại ngày 9 tháng 8 năm 2019, Công ty đã chuyển đổi thành công toàn bộ 221.688 trái phiếu của HA Agrico thành 221.688.000 cổ phiếu.

(ii) Đây là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“Shinhan Việt Nam”) có thời hạn từ ba (3) tháng trở lên và không quá một (1) năm, và hưởng lãi suất tiền gửi có thể áp dụng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tiền gửi này đang được thế chấp để bảo lãnh cho các khoản vay của Soo Sung Motors Technology Co., Ltd, công ty con của Công ty, tại Shinhan Bank – Co., Ltd – Korea.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên khác	1.352.283.150	1.632.911.238
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	246.465.655	103.882.968
TỔNG CỘNG	1.598.748.805	1.736.794.206
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.185.740)	(2.758.947)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.595.563.065	1.734.035.259

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.758.947)	(603.500)
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	(536.600)	(2.233.947)
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trong năm	109.807	78.500
Số cuối năm	(3.185.740)	(2.758.947)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước mua hàng hóa và dịch vụ	1.841.878.629	997.466.588
Trả trước mua quyền sử dụng đất	929.537.634	621.840.712
Trả trước mua cổ phần (<i>i</i>)	723.770.213	1.554.528.174
Trả trước đầu tư phòng trưng bày và tài sản	341.270.879	10.134
TỔNG CỘNG	3.836.457.355	3.173.845.608

Trong đó:

<i>Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	2.182.496.679	708.068.386
<i>Trả trước cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội</i>	170.000.000	170.000.000
<i>Trả trước cho các bên khác</i>	1.483.960.676	2.295.777.222

- (i) Đây là các khoản Công ty ứng trước tiền mua cổ phần. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến các khoản đầu tư cổ phần này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	3.273.095.794	3.244.879.900
Cho bên liên quan vay (Thuyết minh số 31)	3.154.052.997	3.125.837.103
Cho bên khác vay	119.042.797	119.042.797
- Công ty TNHH Ngọc Thy	98.000.000	98.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Ô tô Hoàng Gia	15.977.949	15.977.949
- Các bên khác	5.064.848	5.064.848
Dài hạn	8.163.383.834	14.850.000
Cho bên liên quan vay (Thuyết minh số 31)	8.148.533.834	-
Cho bên khác vay (*)	14.850.000	14.850.000
TỔNG CỘNG	11.436.479.628	3.259.729.900
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(21.042.797)	(21.042.797)
GIÁ TRỊ THUẦN	11.415.436.831	3.238.687.103

Số dư cuối năm của các khoản cho vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty có lãi suất bình quân dao động từ 6%/năm đến 10.5%/năm.

(*) Đây là khoản tiền Công ty cho một cá nhân và một tổ chức vay theo hợp đồng vay tiền ngày 24 tháng 11 năm 2017 với tổng số tiền là 14.850.000 ngàn VND trong thời hạn 3 năm và không có tài sản đảm bảo.

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Lợi nhuận được chia từ các công ty con	1.432.337.656	1.659.726.779
Tạm ứng cho nhân viên (i)	1.276.458.808	1.162.307.775
Cho mượn	518.000.000	-
Thanh toán cho thu tín dụng ủy thác	425.591.388	992.416.317
Lãi cho vay	256.097.732	51.856.273
Thanh toán khác cho các công ty con	49.128.897	28.198.669
Ký quỹ mở thu tín dụng	22.833.276	16.584.649
Khác	97.443.038	85.976.566
TỔNG CỘNG	4.077.890.795	3.997.067.028
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	2.664.884.266	2.787.161.457
<i>Bên khác</i>	1.413.006.529	1.209.905.571
Dài hạn		
Ký quỹ thuê văn phòng	12.570.995	12.570.995
Ký quỹ, ký cược	6.478.005	10.837.305
TỔNG CỘNG	19.049.000	23.408.300
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	12.570.995	12.570.995
<i>Bên khác</i>	6.478.005	10.837.305

(i) Số dư này chủ yếu là các khoản tạm ứng cho các nhân viên cao cấp để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa và xe các loại	1.425.026.193	(312.891)	2.903.644.745	(666.663)
Nguyên vật liệu	229.504.345	(767.015)	174.044.095	(895.791)
Hàng mua đang đi trên đường	113.941.293	-	219.170.321	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.130.693	-	12.187.178	-
Công cụ, dụng cụ	11.464.761	-	10.703.947	-
TỔNG CỘNG	1.792.067.285	(1.079.906)	3.319.750.286	(1.562.454)

Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.562.454)	(1.721.184)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	(715.687)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	482.548	680.443
Xóa sổ dự phòng trong năm	-	193.974
Số cuối năm	<u>(1.079.906)</u>	<u>(1.562.454)</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	79.697.686	84.936.480
Công cụ, dụng cụ đang dùng	35.166.087	24.462.321
Chi phí thuê nhà xưởng, văn phòng	16.573.852	43.643.588
Chi phí quảng cáo	12.511.135	5.002.487
Chi phí bảo trì	3.758.163	2.549.651
Khác	11.688.449	9.278.433
Dài hạn	267.701.402	129.450.940
Chi phí tư vấn và thu xếp các khoản vay	78.008.700	-
Chi phí thuê đất và văn phòng	63.892.585	21.352.983
Công cụ, dụng cụ đang dùng	51.158.999	42.678.431
Chi phí bảo trì	39.318.588	29.665.797
Chi phí bồi thường	28.707.719	31.686.519
Khác	6.614.811	4.067.210
TỔNG CỘNG	347.399.088	214.387.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
						Ngàn VND
Nguyên giá:						
Số đầu năm	1.388.393.040	124.704.073	366.704.591	110.759.429	16.841.506	2.007.402.639
Mua mới trong năm	23.133.694	39.488.367	12.312.211	9.070.303	9.047.988	93.052.563
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	387.042.209	19.543.021	284.329.273	3.164.801	483.147	694.562.451
Thanh lý	(25.235.017)	(10.738.924)	(14.387.201)	(1.235.161)	(1.231.288)	(52.827.591)
Giảm khác	-	(461.253)	-	(4.605.813)	-	(5.067.066)
Số cuối năm	1.773.333.926	172.535.284	648.958.874	117.153.559	25.141.353	2.737.122.996
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	119.871.556	26.582.056	60.145.243	58.511.880	4.543.372	269.654.107
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	482.885.171	54.793.467	138.223.159	71.363.096	8.547.816	755.812.709
Khấu hao trong năm	149.092.746	20.081.329	72.872.731	16.236.003	4.110.752	262.393.561
Thanh lý	(15.040.274)	(7.954.975)	(5.808.785)	(1.047.019)	(519.242)	(30.370.295)
Giảm khác	-	(82.749)	-	(761.762)	-	(844.511)
Số cuối năm	616.937.643	66.837.072	205.287.105	85.790.318	12.139.326	986.991.464
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	905.507.869	69.910.606	228.481.432	39.396.333	8.293.690	1.251.589.930
Số cuối năm	1.156.396.283	105.698.212	443.671.769	31.363.241	13.002.027	1.750.131.532

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Tổng cộng
					Ngàn VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm	2.650.367.592	1.357.892.834	32.299.118	421.178	4.040.980.722
Mua mới trong năm	-	-	5.662.695	199.915	5.862.610
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	249.863.579	-	-	249.863.579
Xóa sổ	-	-	(49.033)	-	(49.033)
Số cuối năm	2.650.367.592	1.607.756.413	37.912.780	621.093	4.296.657.878
Trong đó:					
Đã hao mòn hết	-	2.113.947	25.201.096	421.178	27.736.221
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	-	135.573.426	21.719.872	421.178	157.714.476
Hao mòn trong năm	-	48.155.565	7.154.708	21.048	55.331.321
Xóa sổ	-	-	(49.033)	-	(49.033)
Số cuối năm	-	183.728.991	28.825.547	442.226	212.996.764
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	2.650.367.592	1.222.319.408	10.579.246	-	3.883.266.246
Số cuối năm	2.650.367.592	1.424.027.422	9.087.233	178.867	4.083.661.114

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hệ thống showroom xe du lịch	613.065.507	438.524.775
Hệ thống showroom xe thương mại	477.410.818	381.871.895
Nhà điều hành Chu Lai – Trường Hải	438.858.119	152.773.840
Dự án Cầu vượt nút giao giữa Quốc lộ 1A và đường sắt Bắc Nam, Chu Lai – Quảng Nam	378.654.159	340.485.902
Trung tâm Thương mại và showroom tại Rạch Giá - Kiên Giang	3.015.312	246.651.180
Khác	145.558.736	73.364.099
TỔNG CỘNG	<u>2.056.562.651</u>	<u>1.633.671.691</u>

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 15.1</i>)	24.573.709.196	20.975.242.790
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 15.2</i>)	2.935.046.036	7.140.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 15.3</i>)	62.500.369	62.500.369
TỔNG CỘNG	<u>27.571.255.601</u>	<u>21.044.883.159</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(544.707.435)	(124.478.742)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết</i>	(378.191.029)	-
<i>Dự phòng đầu tư vào công ty con</i>	(166.516.406)	(124.478.742)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>27.026.548.166</u>	<u>20.920.404.417</u>

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VNĐ
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	77,50	13.227.157.125	77,50	13.227.157.125
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi (*)	Sản xuất nông nghiệp	Đang hoạt động	75	2.625.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Thaco - Mazda	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	2.500.000.000	100	2.500.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp	Đang hoạt động	100	600.000.000	100	600.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	565.225.169	100	565.225.169
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus Thaco	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	550.000.000	100	350.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Trường Hải Kìa	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	500.000.000	100	500.000.000
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	100	400.000.000	100	400.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Xe tải THACO	Sản xuất & lắp ráp	Trước hoạt động	100	350.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Cung cấp vật tư, thiết bị	Đang hoạt động	99,99	305.692.553	99,99	305.692.553
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nhựa THACO	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100	300.000.000	100	300.000.000
Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí Thaco - Chu Lai	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	200.000.000	100	200.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Khách Trường Hải	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	150.000.000	100	150.000.000

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau (tiếp theo):

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Nghệ An	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	99,34	136.381.500	98,71	135.517.500
Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Hưng Yên	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	99,80	122.137.660	-	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Phú Yên	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	113.568.005	100	113.568.005
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	108.604.000	100	108.604.000
Công ty TNHH Sản xuất & Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	100.000.000	100	100.000.000
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Phân phối ô tô	Đang hoạt động	100	100.000.000	100	100.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe du lịch Chuyên dụng Cao cấp Thaco	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	100.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Giao thông Vận tải Đồng Nai	Sản xuất bộ phận cơ khí	Trước hoạt động	99,80	94.700.342	99,80	94.700.342
Công ty TNHH Vận tải Nông sản Chuyên dụng Thaco	Vận tải	Đang hoạt động	100	90.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc Bộ Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	87.893.147	100	87.893.147
Soo Sung Motors Technology Co., Ltd	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	75	82.646.620	75	82.646.620
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nhíp Ô tô Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100	80.000.000	100	80.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Chu Lai Trường Hải	Dịch vụ vận tải biển	Đang hoạt động	100	70.000.000	100	70.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Thân vỏ Ô tô Thaco	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	70.000.000	100	67.200.000
Công ty Cổ phần Trường Hải Đức Thành	Mua bán ô tô	Trước hoạt động	77,50	51.150.000	77,50	51.150.000

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau (tiếp theo):

	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai Trường Hải	Đang hoạt động	Mua bán ô tô	100	50.000.000	100	50.000.000
Công ty TNHH MTV Gia công Thép Chu Lai - Trường Hải	Đang hoạt động	Sản xuất thép	100	50.000.000	100	50.000.000
Công ty TNHH MTV Huế - Trường Hải	Đang hoạt động	Mua bán ô tô	100	48.000.000	100	37.730.000
Công ty TNHH Sản xuất xe Chuyên dụng Thaco	Đang hoạt động	Sản xuất Sormi rơmoóc	51	45.900.000	51	45.900.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Đang hoạt động	Sản xuất bộ phận cơ khí	100	44.331.950	100	44.331.950
Công ty TNHH MTV Sản xuất Khuôn Chu Lai - Trường Hải	Đang hoạt động	Sản xuất phụ tùng ô tô	100	44.100.000	100	44.100.000
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Đang hoạt động	Mua bán ô tô	100	40.409.360	100	40.409.360
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Nội thất Ô tô Thaco	Đang hoạt động	Sản xuất phụ tùng ô tô	100	40.000.000	100	40.000.000
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Quảng Bình	Đang hoạt động	Mua bán ô tô	100	40.000.000	100	40.000.000
Công ty TNHH Thái Nguyên - Trường Hải	Đang hoạt động	Mua bán ô tô	100	38.500.000	100	38.500.000
Trường Cao đẳng Nghệ Chu Lai - Trường Hải	Đang hoạt động	Đào tạo	100	33.105.970	100	33.105.970
Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Điều Bàng	Đang hoạt động	Thương mại	100	32.500.000	100	32.500.000
Công ty Cổ phần Vingroup Tàu Trường Hải	Đang hoạt động	Mua bán ô tô	99,80	31.886.597	99,80	31.886.597
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Đang hoạt động	Dịch vụ vận tải	100	30.000.000	100	30.000.000

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau (tiếp theo):

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty TNHH MTV Phụ tùng Trường Hải	Mua bán phụ tùng ô tô	Ngưng hoạt động	100	30.000.000	100	30.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp THACO	Sản xuất máy móc	Đang hoạt động	100	30.000.000	100	15.710.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Vận tải - Giao nhận - Phân phối	Đang hoạt động	100	30.000.000	100	15.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Dịch vụ Phú Xuân	Dịch vụ thương mại	Đang hoạt động	99,80	29.940.000	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Châu Âu Thaco	Sản xuất ô tô	Trước hoạt động	100	23.394.746	-	-
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Sản xuất cơ điện	Đang hoạt động	100	20.000.000	100	20.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Xây dựng	Đang hoạt động	100	20.000.000	100	20.000.000
Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải - Vĩnh Phúc	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	15.920.000	100	6.000.000
Công ty TNHH MTV Trường Phú	Thương mại	Đang hoạt động	100	15.213.500	100	15.213.500
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Hà Nam	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	15.150.000	100	15.150.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Kính Ô tô Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất kính	Đang hoạt động	100	15.000.000	100	15.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Khu Công nghiệp Chuyên Nông Lâm Nghiệp THACO - Chu Lai	Xây dựng	Trước hoạt động	100	14.850.000	-	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy lạnh Thaco	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	60	13.800.000	60	13.800.000

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau (tiếp theo):

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty TNHH Sản xuất Máy lạnh Ô tô Vina	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	51	11.475.000	51	11.475.000
Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Ô tô	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	51	10.584.000	51	10.584.000
Công ty TNHH MTV Truyền thông Đa phương tiện Trường Hải	Quảng cáo	Đang hoạt động	100	10.000.000	100	10.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Composite Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	10.000.000	100	10.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Điện Ô tô	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	51	5.355.000	51	5.355.000
Công ty TNHH MTV Hóa chất Chuyên dụng Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất keo dính	Đang hoạt động	100	2.878.455	100	2.878.455
Công ty TNHH MTV Bắc Ninh Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	1.258.497	100	1.258.497
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Điện lạnh Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đã giải thể	-	-	100	10.000.000
TỔNG CỘNG				24.573.709.196		20.975.242.790
Dự phòng đầu tư vào công ty con				(166.516.406)		(124.478.742)
GIÁ TRỊ THUẬN				24.407.192.790		20.850.764.048

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã sử dụng 47.500.000 cổ phần của Thadi để thế chấp cho các khoản vay của Thadi, công ty con của Công ty, tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
	(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
HA Agrico (*)	26,29	2.919.506.036	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Găng tay Chu Lai	35,00	8.400.000	-	-
Công ty TNHH Ô tô Thaco - Kia Đà Nẵng	50,00	4.500.000	50,00	4.500.000
Công ty TNHH Thương mại Vô xe Triều Hải	30,00	2.640.000	30,00	2.640.000
TỔNG CỘNG		2.935.046.036		7.140.000
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết		(378.191.029)		-
GIÁ TRỊ THUẦN		2.556.855.007		7.140.000

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã sử dụng 288.800.000 cổ phần của HA Agrico để thế chấp cho các khoản vay của Thadi, công ty con của Công ty, tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

15.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	Giá gốc	Số cổ phần	Giá gốc
		Ngàn VND		Ngàn VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)	3.727.800	62.500.369	3.727.800	62.500.369
TỔNG CỘNG		62.500.369		62.500.369

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác (*)	6.721.302.728	3.826.756.732
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	287.050.019	2.333.148.123
TỔNG CỘNG	7.008.352.747	6.159.904.855

(*) Bao gồm trong khoản phải trả các bên khác là số tiền 6.326.267.423 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 3.312.964.424 ngàn VND) phải trả liên quan đến việc mua hàng được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	-	2.464.978.217
Bên khác	93.703.309	93.024.408
TỔNG CỘNG	93.703.309	2.558.002.625

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	(288.544.827)	7.255.520.320	(7.277.327.459)	(310.351.966)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	(20.204.331)	(20.204.331)
TỔNG CỘNG	(288.544.827)	7.255.520.320	(7.297.531.790)	(330.556.297)
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	5.206.054	4.646.689.146	(4.606.045.431)	45.849.769
Thuế thu nhập cá nhân	17.278.216	92.873.669	(104.386.500)	5.765.385
Thuế nhập khẩu	4.586.849	973.385.870	(977.972.719)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.866.145	1.866.655	(4.732.800)	-
Thuế khác	178.699	90.341.011	(88.936.737)	1.582.973
TỔNG CỘNG	30.115.963	5.805.156.351	(5.782.074.187)	53.198.127

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 13 và thưởng	64.767.907	82.362.744
Chi phí lãi vay	37.745.069	21.776.784
Khác	14.866.160	14.781.875
TỔNG CỘNG	117.379.136	118.921.403

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	2.180.254.561	176.650.111
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	10.243.448	5.876.157
Cổ tức phải trả	9.921.439	8.850.347
Khác	55.289.410	20.871.040
TỔNG CỘNG	2.255.708.858	212.247.655

Công ty Cổ phần Ôtô Trường Hải

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY

	Số phát sinh trong năm		Phân loại lại	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Số cuối năm
	Tăng	Giảm			
Ngắn hạn	10.148.818.826	29.305.117.978	228.927.627	(17.433.117)	12.885.260.044
Vay ngân hàng (*)	4.931.722.010	18.993.697.475	-	(17.759.777)	7.088.438.467
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)	5.214.009.195	10.311.420.503	-	-	5.564.479.669
Vay từ bên khác	3.087.621	-	-	-	3.087.621
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	228.927.627	326.660	229.254.287
Dài hạn	-	4.175.442.000	(228.927.627)	5.631.340	3.952.145.713
Vay ngân hàng (**)	-	4.175.442.000	(228.927.627)	5.631.340	3.952.145.713
TỔNG CỘNG	10.148.818.826	33.480.559.978	-	(11.801.777)	16.837.405.757

Ngàn VND

Số cuối năm

(*) Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	1.206.502.002	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Hà Nội	878.147.285	12 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	696.669.459	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn	678.985.634	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Citibank (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hà Nội	623.093.082	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	515.824.052	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp

Công ty Cổ phần Ôtô Trường Hải

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

(*) Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	<i>Ngân VND</i>			
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank	400.000.000	9 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	317.352.710	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	315.980.465	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng JP Morgan Chase Bank - Chi nhánh Hồ Chí Minh	280.978.804	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon - Chi nhánh Hồ Chí Minh	229.336.959	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng KEB Hana - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	211.625.000	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Maybank tại Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	189.916.108	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	173.000.000	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	129.203.180	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	93.273.970	5 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH ANZ (Singapore)	66.727.897	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng DBS Bank Ltd - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	50.304.633	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Seabank) - Chi nhánh Đà Nẵng	31.517.227	3 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp

TỔNG CỘNG

7.088.438.467

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

(**) Công ty thực hiện khoản vay dài hạn để hoàn lại và tài trợ tiếp cho các chi phí đầu tư liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty và các công ty con. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	Ngàn VND		%/năm	
Ngân hàng TNHH Standard Chartered	<u>4.181.400.000</u>	Lần hoàn trả nợ gốc đầu tiên sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Các lần hoàn trả nợ gốc sau được thực hiện mỗi quý sau ngày hoàn trả đầu tiên. Lãi vay được trả mỗi 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.	2.5%+ LIBOR 3 tháng	Toàn bộ các động sản hiện hữu và hình thành trong tương lai không bao gồm các nguyên vật liệu và hàng tồn kho của hai công ty là Công ty TNHH MTV Sản xuất xe Bus Thaco ("Thaco Bus") và Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Thaco Mazda ("Thaco Mazda"); toàn bộ các bất động sản hiện hữu và hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của Thaco Mazda; phần vốn góp của Công ty trong Thaco Bus và Thaco Mazda; và tất cả các tài khoản của Công ty, Thaco Bus và Thaco Mazda mở tại Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 229.254.287
Vay dài hạn 3.952.145.713

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngân VND
Năm trước:				
Số đầu năm	16.580.000.000	29.878.837	8.143.209.925	24.753.088.762
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	6.325.313.232	6.325.313.232
Cổ tức công bố	-	-	(3.979.200.000)	(3.979.200.000)
Số cuối năm	16.580.000.000	29.878.837	10.489.323.157	27.099.201.994
Năm nay:				
Số đầu năm	16.580.000.000	29.878.837	10.489.323.157	27.099.201.994
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	3.263.045.666	3.263.045.666
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty (i)	66.958.570	-	-	66.958.570
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược (ii)	303.041.430	3.591.040.946	-	3.894.082.376
Cổ tức công bố (iii)	-	-	(2.034.000.000)	(2.034.000.000)
Số cuối năm	16.950.000.000	3.620.919.783	11.718.368.823	32.289.288.606

(i) Vào ngày 4 tháng 1 năm 2019, Công ty nhận được Công văn số 100/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UNCKNN"), chấp thuận việc phát hành cổ phiếu cho người lao động trong Công ty theo Chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty ("ESOP") theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ/THACO ngày 14 tháng 9 năm 2018, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 28/2018/NQ-HĐQT/THACO và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 29/2018/NQ-HĐQT/THACO ngày 19 tháng 12 năm 2018. Theo đó, Công ty đã phát hành mới 6.695.857 cổ phiếu cho người lao động của Công ty vào ngày 18 tháng 2 năm 2019 với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Vào ngày 5 tháng 3 năm 2019, Công ty đã nhận được Công văn số 1428/UBCK-QLCB của UBCKNN, thông báo đã nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu này của Công ty. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 16.580.000.000 ngàn VND lên 16.646.958.570 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (ii) Vào ngày 29 tháng 3 năm 2019, Công ty nhận được Công văn số 1947/UBCK-QLCB của UBCKNN chấp thuận việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ/THACO ngày 6 tháng 3 năm 2019, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT/THACO ngày 7 tháng 3 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/NQ-HĐQT/THACO ngày 14 tháng 3 năm 2019. Theo đó, Công ty đã phát hành mới 30.304.143 cổ phiếu phổ thông cho nhà đầu tư chiến lược vào ngày 3 tháng 4 năm 2019 với mức giá phát hành là 128.500 VND/cổ phiếu. Vào ngày 3 tháng 4 năm 2019, Công ty đã nhận được Công văn số 2170/UBCK-QLCB của UBCKNN, thông báo đã nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu này của Công ty. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 16.646.958.570 ngàn VND lên 16.950.000.000 ngàn VND và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai chấp thuận bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 19 vào ngày 22 tháng 4 năm 2019.
- (iii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ/THACO ngày 24 tháng 4 năm 2019, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị về kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 12% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông. Theo đó, Công ty đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức 12% này, tương đương với 2.034.000.000 ngàn VND, vào ngày 14 tháng 5 năm 2019.

22.2 Vốn cổ phần

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phiếu	Ngàn VND	%	Số lượng cổ phiếu	Ngàn VND	%
Cổ đông tổ chức	1.463.000.539	14.630.005.390	86,31	1.432.292.396	14.322.923.960	86,39
Cổ đông cá nhân	231.999.461	2.319.994.610	13,69	225.707.604	2.257.076.040	13,61
TỔNG CỘNG	1.695.000.000	16.950.000.000	100,00	1.658.000.000	16.580.000.000	100,00

22.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	1.695.000.000	1.658.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.695.000.000 1.695.000.000	1.658.000.000 1.658.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.695.000.000 1.695.000.000	1.658.000.000 1.658.000.000

Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 VND/cổ phiếu.

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.4 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Ngân VND Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	16.580.000.000	16.580.000.000
Tăng vốn trong năm	370.000.000	-
<i>Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược</i>	303.041.430	-
<i>Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty</i>	66.958.570	-
Số cuối năm	<u>16.950.000.000</u>	<u>16.580.000.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức công bố	2.034.000.000	3.979.200.000
Cổ tức đã trả trong năm	2.032.928.908	3.971.319.684

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Ngân VND Năm trước
Doanh thu gộp	44.538.961.834	45.637.197.478
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán xe các loại</i>	34.511.655.467	36.391.789.090
<i>Doanh thu bán phụ tùng</i>	7.747.064.786	7.354.830.729
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	2.186.435.399	1.807.454.219
<i>Khác</i>	93.806.182	83.123.440
Các khoản giảm trừ doanh thu	(420.609)	(214.362)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(420.609)	(214.362)
DOANH THU THUẦN	<u>44.538.541.225</u>	<u>45.636.983.116</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán xe các loại</i>	34.511.655.467	36.391.789.090
<i>Doanh thu bán phụ tùng</i>	7.746.644.177	7.354.616.367
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	2.186.435.399	1.807.454.219
<i>Khác</i>	93.806.182	83.123.440
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	36.557.097.240	36.277.847.598
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	7.981.443.985	9.359.135.518

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập từ cổ tức	3.654.387.649	5.985.531.022
Lãi cho vay	562.096.322	103.466.989
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	193.644.546	189.315.800
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	43.113.466	25.293.303
Lãi tiền gửi ngân hàng	22.233.393	8.872.613
TỔNG CỘNG	<u>4.475.475.376</u>	<u>6.312.479.727</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn xe các loại	33.197.897.071	34.880.424.727
Giá vốn phụ tùng	7.391.400.576	7.185.753.252
Giá vốn dịch vụ cung cấp	1.869.513.865	1.529.399.451
Khác	44.198.450	69.040.585
TỔNG CỘNG	<u>42.503.009.962</u>	<u>43.664.618.015</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi vay	666.090.632	147.775.398
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	420.228.693	28.411.102
Phí thư tín dụng	192.453.172	57.392.544
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	186.256.993	270.453.871
Khác	9.386.040	139.660
TỔNG CỘNG	<u>1.474.415.530</u>	<u>504.172.575</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	502.709.417	323.569.969
Chi phí quảng cáo	147.100.820	93.076.930
Chi phí thuê	112.485.329	76.857.481
Chi phí vận chuyển	81.210.701	54.525.995
Chi phí khấu hao và hao mòn	80.124.805	56.437.883
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.894.817	75.161.463
Công cụ và thiết bị	36.458.701	22.673.379
Khác	27.061.824	24.246.101
TỔNG CỘNG	<u>1.054.046.414</u>	<u>726.549.201</u>

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	373.383.309	308.058.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài	310.696.272	250.827.027
Chi phí khấu hao và hao mòn	106.389.381	97.927.167
Công cụ, dụng cụ	18.090.615	12.385.422
Chi phí dự phòng	1.040.682	18.135.339
Khác	12.675.900	49.693.744
TỔNG CỘNG	<u>822.276.159</u>	<u>737.027.538</u>

28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	103.660.102	187.760.258
Chi phí trả hộ	26.379.990	48.538.979
Thu nhập từ hoạt động cho thuê	25.386.700	19.770.634
Thu nhập từ bán phế liệu	12.088.903	5.214.401
Phí thanh lý hợp đồng	4.049.688	87.185.000
Thu nhập dịch vụ đăng kí xe ô tô	3.676.000	627.820
Khác	32.078.821	26.423.424
Chi phí khác	(89.720.479)	(90.252.188)
Chi phí hoạt động cho thuê	(23.802.861)	(14.077.581)
Chi phí trả hộ	(20.827.000)	(54.403.276)
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	(12.234.266)	-
Khác	(32.856.352)	(21.771.331)
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>13.939.623</u>	<u>97.508.070</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng hóa	42.282.077.729	43.608.638.732
Chi phí nhân viên	878.507.241	560.038.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	840.830.667	620.875.115
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12 và 13)	317.724.882	243.426.245
Khác	60.192.016	95.216.007
TỔNG CỘNG	<u>44.379.332.535</u>	<u>45.128.194.754</u>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN trong năm	-	89.297.609
Trích bổ sung thuế TNDN của năm trước	1.866.655	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.866.655	89.297.609
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(90.704.162)	(7.257)
TỔNG CỘNG	<u>(88.837.507)</u>	<u>89.290.352</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>3.174.208.159</u>	<u>6.414.603.584</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	634.841.632	1.282.920.717
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(730.877.530)	(1.197.106.204)
Chi phí không được trừ	3.348.345	2.824.414
Dự phòng khoản đầu tư vào SMT	1.983.391	651.425
Trích bổ sung thuế TNDN của năm trước	1.866.655	-
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN	<u>(88.837.507)</u>	<u>89.290.352</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

30.3 Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Ngàn VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	18.496.498	-	18.496.498	-
Dự phòng khoản đầu tư vào công ty liên kết	72.088.233	-	72.088.233	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	797.487	678.056	119.431	7.257
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	91.382.218	678.056		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			90.704.162	7.257

Lỗi chuyển sang năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗi tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗi đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗi lũy kế với tổng giá trị là 92.482.491 ngàn VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi tính thuế (*)	Đã chuyển lỗi đến		Chưa chuyển lỗi tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
			ngày 31 tháng 12 năm 2019	Không được chuyển lỗi	
2019	2024	92.482.491	-	-	92.482.491

(*) Lỗi tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với số tiền là 18.496.498 ngàn VND đối với khoản lỗi lũy kế nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

					Ngàn VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước		
Công ty TNHH MTV Phân phối Xe Ô tô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Mua hàng	25.196.383.581	24.849.785.374		
		Bán hàng	4.233.486.945	6.829.790.551		
		Vay	1.000.000.000	-		
		Lợi nhuận nhận được	907.106.015	1.376.014.021		
		Mua tài sản cố định	159.595.314	21.266.092		
		Cung cấp dịch vụ	115.389.161	34.258.498		
		Sử dụng dịch vụ	1.902.484	9.818.456		
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty con	Cho vay	9.406.853.000	6.268.456.200		
		Lãi cho vay	369.516.237	65.123.682		
		Vay	105.000.000	-		
		Sử dụng dịch vụ	19.586.362	5.166.894		
		Mua tài sản cố định	10.896.395	-		
		Cung cấp dịch vụ	736.986	200.261		
		Lãi vay	184.110	-		
		Bán hàng	5.040	218.870		
		Góp vốn	-	3.003.000.000		
		Mua hàng	-	33.550.971		
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Mua hàng	5.307.739.408	5.646.197.798		
		Lợi nhuận nhận được	130.337.451	234.985.441		
		Cung cấp dịch vụ	35.366.328	18.553.337		
		Bán hàng	5.514.899	20.339.415		
		Sử dụng dịch vụ	1.923.809	2.584.687		
		Mua tài sản cố định	862.182	322.091		
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Trường Hải KIA	Công ty con	Vay	4.443.110.000	-		
		Lợi nhuận nhận được	361.212.660	399.646.353		
		Lãi vay	96.063.762	-		
		Cung cấp dịch vụ	235.412	158.893		
		Sử dụng dịch vụ	6.542	-		
		Bán hàng	-	28.382		
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Công ty con	Cho vay	3.834.732.659	-		
		Góp vốn	2.625.000.000	-		
		Lãi cho vay	49.079.131	-		
		Cung cấp dịch vụ	58.671	-		
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Thaco - Mazda	Công ty con	Vay	3.387.660.000	-		
		Lợi nhuận nhận được	820.096.606	66.087.528		
		Cung cấp dịch vụ	499.397	-		
		Bán hàng	27.942	354.549		
		Góp vốn	-	1.542.149.304		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

			Ngàn VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên kết	Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần	2.216.880.000	-
		Cho vay	2.685.418.251	746.132.000
		Lãi cho vay	106.934.589	-
		Mua trái phiếu chuyển đổi	-	2.216.880.000
Công ty TNHH Sản xuất Xe Du lịch Chuyên dụng Cao cấp Thaco	Công ty con	Bán hàng	2.189.887.000	-
		Lợi nhuận nhận được	208.029.654	-
		Góp vốn	100.000.000	-
		Cung cấp dịch vụ	936	-
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Công ty con	Vay	1.218.950.503	-
		Lợi nhuận nhận được	197.952.044	2.252.520.650
		Lãi vay	42.340.237	-
		Cung cấp dịch vụ	354.218	-
		Bán hàng	3.286	58.068
Mua hàng	-	47.731		
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus Thaco	Công ty con	Cho vay	431.620.000	348.800.000
		Lợi nhuận nhận được	396.139.263	349.119.616
		Lãi cho vay	3.826.848	15.535.617
		Cung cấp dịch vụ	785.032	63.682
		Mua hàng	126.000	-
Bán hàng	1.264	256.562		
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Xe tải THACO	Công ty con	Góp vốn	350.000.000	-
		Cho vay	314.405.958	-
		Lãi cho vay	3.664.354	-
		Cung cấp dịch vụ	2.850.192	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trần Oanh	Cổ đông lớn	Cho mượn	318.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Công ty con	Bán hàng	288.541.067	29.436.965
		Mua hàng	156.291.613	40.872.928
		Lợi nhuận nhận được	13.994.428	19.845.537
		Sử dụng dịch vụ	3.857.408	7.011.252
		Cung cấp dịch vụ	2.015.400	119.010
		Mua tài sản cố định	73.708	184.048
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	246.751.141	618.247.373
		Cung cấp dịch vụ	138.029	69.107
		Bán hàng	35.017	158.063

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND			
			Năm nay	Năm trước		
Công ty TNHH MTV Trường Hải Bình Dương	Công ty con	Mua hàng	225.909.687	118.487.187		
		Bán hàng	215.962.388	145.074.559		
		Lợi nhuận nhận được	39.161.592	56.300.451		
		Mua tài sản cố định	1.536.364	-		
		Sử dụng dịch vụ	1.323.032	1.670.550		
		Cung cấp dịch vụ	51.815	25.482		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Dịch vụ Phú Xuân	Công ty con	Bán hàng	216.636.891	-		
		Mua hàng	15.517.016	-		
		Cung cấp dịch vụ	1.689.025	-		
		Sử dụng dịch vụ	158.677	-		
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Thân vỏ Ô tô Thaco	Công ty con	Cho vay	209.600.000	-		
		Lợi nhuận nhận được	11.593.360	-		
		Lãi cho vay	4.325.589	-		
		Góp vốn	2.800.000	67.200.000		
		Bán hàng	12.009	-		
Các cá nhân	Cổ đồng	Cho mượn	200.000.000	-		
		Công ty TNHH MTV Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Mua tài sản cố định	173.158.464	-
				Lợi nhuận nhận được	28.183.908	37.142.593
				Bán hàng	5.167.902	11.662
				Cung cấp dịch vụ	50.536	603
Sử dụng dịch vụ	-	107.217.766				
Công ty Cổ phần Vũng Tàu Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	168.786.450	77.020.120		
		Mua hàng	133.223.213	58.972.809		
		Cung cấp dịch vụ	476.645	8.807		
		Sử dụng dịch vụ	14.667	12.819		
Công ty TNHH Sản xuất Xe Chuyên dụng Thaco	Công ty con	Cho vay	165.480.000	62.080.000		
		Lãi cho vay	6.343.758	719.780		
		Cung cấp dịch vụ	18.185	-		
Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Vĩnh Phúc	Công ty con	Mua hàng	130.644.052	167.917.065		
		Bán hàng	94.236.536	55.083.149		
		Lợi nhuận nhận được	11.319.512	20.188.240		
		Góp vốn	9.920.000	-		
		Cung cấp dịch vụ	296.082	3.992		
		Sử dụng dịch vụ	58.152	6.056		
Công ty TNHH MTV Trường Hải Bắc Ninh	Công ty con	Bán hàng	129.620.717	6.315.677		
		Mua hàng	22.953.426	5.113.743		
		Lợi nhuận nhận được	3.149.453	1.137.505		
		Cung cấp dịch vụ	174.721	8.293		
		Sử dụng dịch vụ	5.495	6.988		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

<i>Ngàn VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH MTV TM DV Vận Tải Trường Hải - Bình Phước	Công ty con	Bán hàng	111.891.900	52.352.830
		Mua hàng	75.183.858	46.771.359
		Lợi nhuận nhận được	265.317	-
		Sử dụng dịch vụ	57.101	9.966
		Cung cấp dịch vụ	55.259	-
Công ty TNHH Vận tải Nông sản Chuyên dụng Thaco	Công ty con	Góp vốn	90.000.000	-
		Lợi nhuận nhận được	1.522.244	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cho vay	84.590.000	-
		Lợi nhuận nhận được	18.998.289	13.526.645
		Sử dụng dịch vụ	7.805.599	8.575.304
		Cung cấp dịch vụ	4.131.143	2.191.745
		Lãi cho vay	2.120.264	-
		Mua hàng	1.677.943	1.438.884
		Bán hàng	139.846	1.647.984
		Mua tài sản cố định	818	9.091
Công ty TNHH MTV Gia công Thép Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cho vay	80.277.000	-
		Lợi nhuận nhận được	6.494.889	28.399.541
		Lãi cho vay	482.106	-
		Sử dụng dịch vụ	108.391	114.672
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	77.256.070	110.376.827
		Cho vay	4.200.000	35.100.000
		Bán hàng	1.360.000	127.461
		Cung cấp dịch vụ	263.418	57.110
		Sử dụng dịch vụ	180.291	161.920
		Lãi cho vay	124.996	2.306.775
		Mua hàng	7.980	-
		Góp vốn	-	280.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	76.230.332	79.366.524
		Cho vay	66.230.000	140.861.849
		Lãi cho vay	7.959.416	8.387.464
		Mua hàng	1.980.328	-
		Sử dụng dịch vụ	1.725.523	1.567.850
		Cung cấp dịch vụ	31.691	3.016
		Bán hàng	-	24.803

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

			Ngàn VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH MTV Trường Hải Phú Yên	Công ty con	Vay	70.000.000	-
		Bán hàng	4.781.261	-
		Mua hàng	4.741.031	-
		Lãi vay	3.899.564	-
		Lợi nhuận nhận được	3.125.536	-
		Cung cấp dịch vụ	78.402	-
		Sử dụng dịch vụ	5.896	15.914
		Lãi cho vay	-	2.108.732
		Cho vay	-	289.692
		Công ty TNHH Ô tô Thaco - KIA Đà Nẵng	Công ty liên kết	Bán hàng
Mua hàng	14.928.479			-
Cung cấp dịch vụ	45.818			-
Sử dụng dịch vụ	27.619			-
Công ty TNHH Trường Hải Đức Thành	Công ty con	Lãi vay	68.399.915	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Công ty con	Mua hàng	64.885.923	63.155.960
		Bán hàng	48.648.997	44.163.771
		Lợi nhuận nhận được	20.047.115	42.332.386
		Mua tài sản cố định	3.213.636	-
		Cung cấp dịch vụ	291.721	245.318
		Sử dụng dịch vụ	144.381	14.865
Công ty TNHH MTV Huế Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	64.637.586	29.107.570
		Mua hàng	37.994.693	28.570.455
		Góp vốn	10.270.000	3.100.000
		Lợi nhuận nhận được	4.539.834	8.242.740
		Cung cấp dịch vụ	128.708	-
		Sử dụng dịch vụ	1.687	8.344
		Cho vay	63.300.000	50.000.000
Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí Thaco - Chu Lai	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	34.396.256	30.878.321
		Mua tài sản cố định	2.064.109	-
		Lãi cho vay	1.010.877	182.137
		Mua hàng	400.609	10.843
		Cung cấp dịch vụ	121.395	587
		Sử dụng dịch vụ	84.532	1.529.343
		Bán hàng	290	26.491
		Bán hàng	60.659.603	33.192.050
		Mua hàng	34.712.375	28.136.400
Công ty TNHH MTV Trường Hải Quảng Bình	Công ty con	Lợi nhuận nhận được	2.002.832	6.112.936
		Cung cấp dịch vụ	581.851	2.094
		Sử dụng dịch vụ	34.967	20.375
		Góp vốn	-	4.213.122

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

<i>Ngàn VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Khách Trường Hải	Công ty con	Vay	52.700.000	-
		Lãi vay	50.798.802	-
		Cung cấp dịch vụ	143.670	472.439
		Lợi nhuận nhận được	93.949	4.341.227
		Bán hàng	31.533	73.989
		Mua hàng	21.003	11.841
		Sử dụng dịch vụ	909	679.452
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Mua tài sản	43.921.139	154.346
		Lợi nhuận nhận được	27.261.732	63.420.954
		Cho vay	14.000.000	-
		Cung cấp dịch vụ	360.287	74.643
		Sử dụng dịch vụ	325.203	25.510.494
		Mua hàng	256.324	35.349
		Bán hàng	222.945	324.003

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Ngàn VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên kết	Trái phiếu chuyển đổi	-	<u>2.216.880.000</u>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Dịch vụ Phú Xuân	Công ty con	Bán hàng	91.552.146	-
Công ty TNHH Ô tô Thaco - KIA Đà Nẵng	Công ty liên kết	Bán hàng	66.598.914	2.387.568
Công ty TNHH Sản xuất Xe Du lịch Chuyên dụng Cao cấp THACO	Công ty con	Bán hàng	20.935.700	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i> (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Diệu Bằng	Công ty con	Bán hàng	12.879.141	11.902.691
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Công ty con	Bán hàng	9.358.052	1.843.494
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Hà Nam	Công ty con	Bán hàng	6.674.422	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Công ty con	Bán hàng	6.111.250	8.798.248
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Công ty con	Bán hàng	5.306.868	11.025.798
Công ty TNHH MTV Huế Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	4.951.921	603.000
Soosung Motors Technology Co., Ltd	Công ty con	Bán hàng	4.692.726	4.700.848
Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Vĩnh Phúc	Công ty con	Bán hàng	3.067.835	2.072.425
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Xe Tải Thaco	Công ty con	Bán hàng	2.880.503	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải Quảng Bình	Công ty con	Bán hàng	2.419.000	5.518.582
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên Dụng Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	1.678.895	3.735.884
Công ty TNHH MTV Bắc Ninh Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	1.610.240	4.710
Công ty Cổ phần Vũng Tàu Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	1.199.000	3.068.554
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Công ty con	Bán hàng	1.129.045	10.580
Công ty TNHH MTV Trường Hải Phú Yên	Công ty con	Bán hàng	719.629	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus Thaco	Công ty con	Bán hàng	512.497	1.184.033
Công ty TNHH Sản xuất Máy lạnh Thaco	Công ty con	Bán hàng	206.683	947.717
Công ty TNHH MTV Trường Phú	Công ty con	Bán hàng	170.000	15.621.659

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)				
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Bán hàng	93.225	13.280.093
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp Thaco	Công ty con	Bán hàng	76.995	14.586.327
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trần Oanh	Cổ đông lớn	Bán hàng	3.571	-
Khác	Công ty con	Bán hàng	1.637.397	2.590.757
TỔNG CỘNG			<u>246.465.655</u>	<u>103.882.968</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du Lịch Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua xe và phụ tùng	1.799.494.406	-
Các cá nhân	Thành viên Ban Quản lý	Ứng tiền đầu tư	209.243.992	158.913.703
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty con	Ứng tiền xây dựng	110.085.837	14.724.273
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua phụ tùng	36.461.001	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp & Đô thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền xây dựng	22.432.053	7.403.328
Công ty TNHH MTV Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền xây dựng	2.975.160	43.704.422
Công ty TNHH Sản Xuất Linh kiện Nhựa Thaco	Công ty con	Ứng tiền mua phụ tùng	1.426.700	-
Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Vĩnh Phúc	Công ty con	Ứng tiền mua phụ tùng	312.000	-
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua xe và phụ tùng	-	482.663.778
Khác	Công ty con	Ứng tiền dịch vụ và mua phụ tùng	65.530	658.882
TỔNG CỘNG			<u>2.182.496.679</u>	<u>708.068.386</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty con	Cho vay	1.359.000.000	2.074.898.255
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên kết	Cho vay	897.464.626	746.132.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Công ty con	Cho vay	368.851.413	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Xe Tải Thaco	Công ty con	Cho vay	314.405.958	-
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện thân Vô Ô tô Thaco	Công ty con	Cho vay	100.700.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô Thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cho vay	66.230.000	234.366.848
Công ty TNHH Sản xuất Xe Chuyên dụng Thaco	Công ty con	Cho vay	23.710.000	61.080.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Găng tay Chu Lai	Công ty liên kết	Cho vay	11.200.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nhựa Thaco	Công ty con	Cho vay	11.091.000	-
Công ty Cổ phần Cơ Khí Ô tô Nghệ An	Công ty con	Cho vay	1.400.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Máy Lạnh Thaco	Công ty con	Cho vay	-	6.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nhíp Ô Tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cho vay	-	3.360.000
TỔNG CỘNG			3.154.052.997	3.125.837.103

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu về cho vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty con	Cho vay	5.924.800.000	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên kết	Cho vay	805.260.834	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Công ty con	Cho vay	674.350.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO	Công ty con	Cho vay	431.620.000	-
Công ty TNHH MTV Gia công Thép Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cho vay	80.277.000	-
Công ty TNHH Sản Xuất Xe Chuyên dụng THACO	Công ty con	Cho vay	76.300.000	-
Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí Thaco Chu Lai	Công ty con	Cho vay	63.300.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Khuôn Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cho vay	26.126.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cho vay	25.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ Điện Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cho vay	14.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Composite Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cho vay	13.000.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cho vay	12.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Kính Ô tô Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cho vay	2.500.000	-
TỔNG CỘNG			8.148.533.834	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Ngàn VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trân Oanh	Cổ đông lớn	Cho mượn	318.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	256.895.503 139.897	194.317.174 -
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Lãi cho vay Thanh toán khác	223.218.376 1.195.771 519.999	146.988.044 1.748.098 -
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay Thanh toán khác	220.875.545 2.192.736	49.492.136 160.644
Các cá nhân	Cổ đông	Cho mượn	200.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nhựa THACO	Công ty con	Thanh toán cho LC ủy thác Lợi nhuận được nhận Lãi cho vay	167.225.208 19.098.875 435.411	181.162.854 28.883.722 -
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Xe tải Thaco	Công ty con	Thanh toán khác Lãi cho vay	131.791.900 3.664.354	- -
Công ty TNHH Sản xuất Xe Du lịch Chuyên dụng Cao cấp THACO	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	126.029.654 80.055	- -
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	93.092.900 32.751	98.919.399 -
Công ty TNHH MTV Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	88.466.595 426.472	60.282.688 140.510
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Cao cấp THACO	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	85.319.280 11.970	- -
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	79.701.044 -	92.746.506 597.604
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	61.778.553 168.254	408.554.020 213.828

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Lãi cho vay Thanh toán khác	59.331.511 3.815.208 579.613	349.119.616 141.356 780.792.676
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	48.836.350 23.277.346	- 386.812
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Lãi cho vay Thanh toán khác	42.889.583 2.120.264 -	28.991.055 - 796
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	40.284.474 940.785	43.554.593 49.983
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Vĩnh Phúc	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	39.417.099 3.442.192	28.097.587 4.920.107
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện thân Vỏ Ô tô THACO	Công ty con	Thanh toán khác Lợi nhuận được nhận Lãi cho vay	34.448.821 16.304.618 3.513.000	927 - -
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Công ty con	Thanh toán khác Lợi nhuận được nhận	24.528.151 315.757	23.781.298 50.441
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp THACO	Công ty con	Thanh toán cho LC ủy thác	23.485.437	23.390.089
Công ty TNHH MTV Sản xuất Khuôn Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Thanh toán cho LC ủy thác Lãi cho vay	23.170.366 188.712	33.170.674 -
Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí Thaco - Chu Lai	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác Lãi cho vay	21.318.196 369.286 170.877	1.857.247 - -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Sản xuất Kính Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Lãi cho vay Thanh toán khác	19.267.533 7.911 2.080	26.393.658 - 2.756
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	16.200.711 330.472	23.917.412 1.161.652
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	13.257.399 379.257	12.725.064 352.646
Công ty TNHH MTV Huế Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	12.265.574 262.688	8.242.740 140.688
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Lãi cho vay	10.088.031 251.712	13.125.495 -
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên kết	Lãi cho vay	9.805.798	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Composite Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Lãi cho vay Thanh toán khác	8.889.425 41.137 3.440	13.167.851 - 5.341
Công ty Cổ phần Vững Tàu Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	8.122.320 9.179	8.122.320 29.047
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Quảng Bình	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	7.913.665 1.815.200	6.112.936 3.547.227
Công ty TNHH Sản xuất Máy lạnh THACO	Công ty con	Thanh toán cho LC ủy thác Lãi cho vay	7.170.133 -	13.246.644 29.589
Công ty TNHH MTV Hóa chất Chuyên dụng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	6.533.420 1.072	7.077.664 16.171

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty TNHH Sản xuất xe Chuyên dụng Thaco	Công ty con	Thanh toán khác	6.008.851	445.093
		Thanh toán cho LC ủy thác	3.182.090	376.422
Công ty TNHH MTV Trường Phú	Công ty con	Thanh toán khác	5.543.588	6.995.602
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	5.277.191	11.263.535
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nhíp Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	5.384.519	6.205.750
		Thanh toán khác	202.111	113.433
		Lãi cho vay	18.596	-
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	4.778.441	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp THADI	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	3.436.956	-
		Thanh toán khác	73.815	-
Công ty TNHH MTV Bắc Ninh Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	2.971.939	3.192.416
		Thanh toán khác	45.055	16.058
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nội thất Ô tô THACO	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	2.732.552	12.654.085
		Thanh toán khác	274.966	163.664
Công ty TNHH MTV Trường Hải Phú Yên	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	2.875.147	-
		Thanh toán khác	-	56.736
Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Diệt Bông	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	1.630.395	1.464.930
		Thanh toán khác	114.673	378.328
Công ty TNHH Vận tải Nông sản Chuyên dụng THACO	Công ty con	Lợi nhuận được nhận	1.522.244	-
Công ty TNHH Dịch vụ Đô thị Đại Quang Minh	Công ty con	Thanh toán khác	901.527	41.210
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Dịch vụ Phú Xuân	Công ty con	Thanh toán khác	508.244	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Gia công Thép Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Lãi cho vay Thanh toán khác Lợi nhuận được nhận	482.106 313.230 -	- - 13.744.371
Công ty TNHH Ô tô Thaco - KIA Đà Nẵng	Công ty liên kết	Lợi nhuận được nhận	365.074	43.604
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du Lịch Trường Hải - KIA	Công ty con	Lợi nhuận được nhận		7.382.336
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Khách Trường Hải	Công ty con	Lợi nhuận được nhận Thanh toán khác	93.949 4.659	2.341.227 7.533
Khác	Công ty con	Thanh toán khác Lãi cho vay Lợi nhuận được nhận	115.086 65.522 19.672	114.841 - 230.898
TỔNG CỘNG			<u>2.664.884.266</u>	<u>2.787.161.457</u>

Phải thu dài hạn khác

Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty con	Ký quỹ thuê văn phòng	<u>12.570.995</u>	<u>12.570.995</u>
--	-------------	-----------------------	-------------------	-------------------

Phải trả người bán ngắn hạn

Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Mua hàng	227.038.640	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty con	Mua hàng	12.219.670	-
Công ty Cổ phần Vững Tàu Trường Hải	Công ty con	Mua hàng	6.987.473	5.282.772
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Công ty con	Mua hàng	6.924.007	5.072.164
Công ty TNHH Ô tô Thaco - KIA Đà Nẵng	Công ty liên kết	Mua hàng	6.375.946	-
Công ty TNHH MTV Bắc Ninh Trường Hải	Công ty con	Mua hàng	5.731.898	363.657
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc Bộ Trường Hải	Công ty con	Mua hàng	4.528.243	668.890

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Ngàn VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)</i>				
Công ty TNHH MTV ĐT PT Hạ tầng KCN & Đô thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Mua hàng	2.274.485	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Công ty con	Mua hàng	2.090.989	13.889.219
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Công ty con	Mua hàng	1.634.170	5.357.321
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Dịch vụ Phú Xuân	Công ty con	Mua hàng	1.521.096	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nhíp Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Mua hàng	1.376.641	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp THACO	Công ty con	Mua hàng	1.290.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Mua hàng	1.102.179	-
Công ty TNHH Thái Nguyên Trường Hải	Công ty con	Mua hàng	1.092.005	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Công ty con	Mua hàng	984.437	4.012.656
Công ty TNHH MTV Truyền thông Đa Phương tiện Trường Hải	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	915.569	3.573.814
Công ty TNHH MTV Huế Trường Hải	Công ty con	Mua hàng	894.000	2.351.626
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Hà Nam	Công ty con	Mua hàng	868.872	398.884
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Công ty con	Mua hàng	868.838	2.798.634

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Trường Phú	Công ty con	Mua hàng	1.300	4.661.453
Công ty TNHH MTV Phân phối Xe Ô tô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Mua hàng	-	2.274.895.641
Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Vĩnh Phúc	Công ty con	Mua hàng	-	7.966.437
Khác	Công ty con	Mua hàng	329.561	1.854.955
TỔNG CỘNG			287.050.019	2.333.148.123
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du Lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua hàng	-	2.464.924.327
Công ty TNHH MTV Trường Hải Quảng Bình	Công ty con	Ứng tiền mua hàng	-	50.000
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua hàng	-	3.890
TỔNG CỘNG			-	2.464.978.217
Vay ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Sản Xuất Ô tô Thaco – Mazda	Công ty con	Vay	3.177.893.426	-
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du Lịch Trường Hải KIA	Công ty con	Vay	1.482.327.740	272.289.195
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Công ty con	Vay	567.780.503	1.723.090.000
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Vay	157.220.000	3.189.630.000
Công ty TNHH MTV Trường Hải Phú Yên	Công ty con	Vay	68.558.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngắn hạn (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Khách Trường Hải	Công ty con	Vay	52.700.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Khu Công nghiệp Chuyên Nông nghiệp Thái Bình	Công ty con	Vay	34.000.000	-
Công ty Cổ phần Trường Hải Đức Thành	Công ty con	Vay	24.000.000	29.000.000
TỔNG CỘNG			<u>5.564.479.669</u>	<u>5.214.009.195</u>
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Thaco - Mazda	Công ty con	Nhận tạm ứng lợi nhuận Lãi vay	1.414.061.324 28.115.873	1.128.981 -
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tài Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Nhận tạm ứng lợi nhuận	371.415.061	98.848.911
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cổ tức phải trả Nhận tạm ứng lợi nhuận Lãi vay	260.526.162 17.497.424 7.519.398	- - 14.337.475
Công ty TNHH MTV Phụ tùng Trường Hải	Công ty con	Nhận tạm ứng lợi nhuận	30.002.636	30.002.636
Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Hưng Yên	Công ty con	Nhận tạm ứng lợi nhuận	23.299.898	-
Công ty TNHH MTV Gia Công Thép Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Nhận tạm ứng lợi nhuận	6.000.000	-
Công ty TNHH MTV Truyền thông Đa phương tiện Trường Hải	Công ty con	Nhận tạm ứng lợi nhuận	5.838.959	-
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Công ty con	Lãi vay	5.172.499	20.609.701
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du Lịch Trường Hải KIA	Công ty con	Lãi vay	4.340.690	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i> (tiếp theo)				
Công ty TNHH Dịch vụ Đô thị Đại Quang Minh	Công ty con	Thu hộ	1.979.384	278.204
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa Ốc Đại Quang Minh	Công ty con	Nhận tạm ứng lợi nhuận	1.459.170	262.250
Công ty TNHH MTV Trường Hải Phú Yên	Công ty con	Lãi vay Thu hộ	1.450.988 7.500	- -
Các cá nhân	Cổ đông lớn	Thu hộ	797.818	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Điện lạnh Trường Hải	Công ty con	Nhận tạm ứng lợi nhuận	-	9.687.772
Trường Cao đẳng Nghề Chu Lai – Trường Hải	Công ty con	Nhận tạm ứng lợi nhuận	-	772.311
Khác	Công ty con	Cổ tức phải trả Nhận tạm ứng lợi nhuận Lãi vay	393.564 278.405 97.808	- 721.870 -
TỔNG CỘNG			<u>2.180.254.561</u>	<u>176.650.111</u>

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	<u>35.553.865</u>	<u>28.266.756</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê một số văn phòng, phòng trưng bày, mặt bằng và đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	77.195.514	71.764.009
Trên 1 – 5 năm	124.635.555	243.524.947
Trên 5 năm	183.416.587	166.303.724
TỔNG CỘNG	<u>385.247.656</u>	<u>481.592.680</u>

Các cam kết về góp vốn

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các cam kết góp vốn vào các công ty con với tổng giá trị là 1.760.887.177 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.574.217.123 ngàn VND).

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có khoản cam kết với tổng giá trị là 869.877.817 ngàn VND liên quan đến việc xây dựng và phát triển các phòng trưng bày, trung tâm thương mại xe và các dự án khác của Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 828.161.967 ngàn VND).

Cam kết về bảo lãnh

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty cam kết bảo lãnh cho THADI, công ty con của Công ty, đối với các nghĩa vụ của THADI tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 03/2019/NQ-ĐHĐCĐ/THACO ngày 3 tháng 10 năm 2019, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị về kế hoạch phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền với số lượng dự kiến là 3.000 trái phiếu với mệnh giá là 1.000.000 ngàn VND/trái phiếu. Theo đó, vào tháng 1 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc phát hành với số lượng là 2.000 trái phiếu.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2020